

Số: 4213/BC-SNNPTNT-CCTS

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO

Kết quả nuôi trồng thủy sản năm 2016 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2017 của tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ văn bản số 3312/TCTS-NTTS ngày 30/11/2016 của Tổng cục Thủy sản về việc báo cáo kết quả nuôi trồng thủy sản năm 2016 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2017; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh báo cáo kết quả nuôi trồng thủy sản năm 2016 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2017 tỉnh Quảng Ninh, cụ thể như sau:

I. Kết quả nuôi trồng thủy sản năm 2016

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Công tác triển khai, thực hiện cơ chế chính sách:

+ Trên cơ sở chính sách của Trung ương, kết hợp với đặc thù, định hướng phát triển sản xuất thủy sản của Tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh (Sau đây gọi tắt là Sở) đã chủ trì xây dựng và trình UBND tỉnh Quảng Ninh một số chính sách quan trọng liên quan đến khuyến khích, thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn nói chung và nuôi trồng thủy sản nói riêng như chính sách: (i) Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2017 - 2020; (ii) Chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020; (iii) Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2017...¹

+ Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, địa phương trong tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin, hướng dẫn và tuyên truyền các nội dung của chính sách; hỗ trợ Nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu đầu tư, lập dự án, triển khai dự án... nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển sản xuất đối với nuôi trồng thủy sản mà Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh đã giao.

+ Qua thời gian triển khai cho thấy các chính sách phù hợp với định hướng, chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh và nguyện vọng của Nhà đầu tư. Đã thu hút được những nhà đầu tư lớn triển khai các chương trình, dự án phát triển sản xuất mang tính trọng điểm của ngành về nuôi

¹ Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v Ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết 11/2016/NQ-HĐND ngày 27/7/2016 của HĐND tỉnh Quảng Ninh Về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2017.

trồng thủy sản với hàm lượng khoa học công nghệ cao. Ngoài ra, các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất giúp nâng cao ý thức thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống thiên tai, bệnh dịch trong nuôi trồng thủy sản...

- Công tác tham mưu ban hành văn bản: Nhằm đảm bảo thực hiện tốt và có hiệu quả kế hoạch, nâng cao năng lực về quản lý Nhà nước về nuôi trồng thủy sản, Sở đã chủ động ban hành các văn bản có liên quan đến các nội dung như: định hướng về mùa vụ sản xuất, quản lý quy hoạch, sử dụng và quản lý vật tư nông nghiệp đầu vào dùng trong nuôi trồng thủy sản, phòng - chống thiên tai, dịch bệnh, hoàn thiện cơ sở hạ tầng dùng chung phục vụ nuôi trồng thủy sản, kế hoạch phát triển tôm nước lợ những tháng cuối năm 2016...² Đặc biệt năm 2016, xuất phát từ thực tế đòi hỏi, Sở chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng văn bản "*Quy định quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản trên bãi triều, mặt nước biển trong địa bàn tỉnh Quảng Ninh*" (Hiện nay, đã trình UBND Tỉnh xem xét) nhằm nâng cao nội dung quản lý Nhà nước và sử dụng có hiệu quả bãi triều, mặt biển để nuôi trồng thủy sản; ngoài ra Sở còn ban hành các văn bản tham gia ý kiến với các dự thảo về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định do Tổng cục Thủy sản chủ trì.

- Công tác xây dựng và quản lý quy hoạch nuôi trồng thủy sản:

+ Căn cứ nhu cầu phát triển của Ngành và định hướng phát triển kinh tế, xã hội của Tỉnh. Năm 2016, trên cơ sở sự đồng ý của UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở đã lập Quy hoạch phát triển kinh tế thủy sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Đã được HĐND tỉnh thông qua); phương án quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh (trong đó có 06/18 vùng được quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung).³

+ Ban hành văn bản yêu cầu các địa phương, cơ quan chuyên môn của Sở tăng cường quản lý quy hoạch nuôi trồng thủy sản; chỉ đạo các địa phương xử lý nghiêm các trường hợp nuôi trồng thủy sản trái phép, ngoài quy hoạch, gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái, an toàn bệnh dịch và thực phẩm.⁴

+ Trong thời gian tới Sở tiếp tục đề nghị, chỉ đạo các địa phương trong tỉnh lập quy hoạch chi tiết về nuôi trồng thủy sản (*ưu tiên các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, mặt biển để nuôi trồng thủy sản*) trên cơ sở Quy hoạch phát triển kinh tế thủy sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định tại Luật Thủy sản 2003.

²Văn bản số: 99/SNN&PTNT-NTTS, ngày 13/01/2016 về Về việc chỉ đạo nuôi hà sú treo dây trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; 277/NN&PTNT-CCTS ngày 01/2/2016 Về việc vệ sinh tiêu độc khử trùng và khôi phục sản xuất sau đợt rét đậm, rét hại đối với NTTS; 340/SNN&PTNT-CCTS ngày 19/2/2016 Về việc hỗ trợ cho NTTS bị thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra trên đại bàn thị xã Quảng Yên; 381/SNN&PTNT-CCTS ngày 24/2/2016 về Về việc định hướng mùa vụ NTTS trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2016; 1123/SNNPTNT-CCTS ngày 25/4/2016 về V/v tăng cường quản lý đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản

³ Văn bản số 6179/UBND-NLN3 ngày 30/9/2016 của UBND Tỉnh về chấp thuận phương án quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh.

⁴ Văn bản số 3284/SNNPTNT-CCTS ngày 12/10/2016 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh V/v tăng cường quản lý nuôi trồng thủy sản tự phát.

2. Kết quả sản xuất nuôi trồng thủy sản

2.1. Kết quả sản xuất, cung ứng giống thủy sản

- Năm 2016, có 17 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản. Việc sản xuất giống thủy sản mặn lợ mới đáp ứng khoảng 23% nhu cầu và giống thủy sản nước ngọt đáp ứng được 100% nhu cầu. Tổng số lượng giống thủy sản sản xuất đạt 1.120 triệu con, trong đó: (i) Sản xuất, ương dưỡng giống tôm đạt 752 triệu con; (ii) Giống cá nước ngọt đạt 103 triệu con; (iii) Sản xuất giống nhuyễn thể đạt 178 triệu con, giống cá biển đạt 31 triệu con, hải sản khác là 56 triệu con.

- Qua đó cho thấy năng lực sản xuất tại chỗ vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người nuôi trồng thủy sản trong tỉnh. Trước thực tế này, Sở đã báo cáo, tham mưu với UBND tỉnh Quảng Ninh đề phát triển sản xuất giống thủy sản của Tỉnh theo hướng hình thành “*Khu công nghiệp sản xuất giống thủy sản tập trung*”; xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực sản xuất giống thủy sản; từng bước củng cố, tổ chức lại sản xuất giống thủy sản theo hướng chuyên nghiệp; phát triển mô hình sản xuất giống thủy sản phù hợp với điều kiện về thời tiết, khí hậu đặc thù... nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu về giống thủy sản an toàn cho người nuôi trong và ngoài tỉnh.

- Bước đầu, trên cơ sở hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đã và đang triển khai Dự án đầu tư hạ tầng vùng sản xuất giống nhuyễn thể tập trung tại huyện Vân Đồn với tổng vốn đầu tư 213 tỷ đồng, công suất 1.5 tỷ giống nhuyễn thể/năm; thu hút được Công ty Đầu tư và Phát triển sản xuất Hạ Long triển khai dự án trung tâm sản xuất giống công nghệ cao và nuôi thực nghiệm hải sản tại Đàm Hà với tổng vốn đầu tư 169 tỷ đồng, công suất 3.5 tỷ tôm giống, 2.5-3 triệu giống cá biển, 5-7 triệu giống nhuyễn thể/năm; Cty CP Thủy sản Việt Úc thực hiện dự án nuôi tôm thương phẩm siêu canh công nghệ cao trong nhà kính tại huyện Đàm Hà với tổng vốn đầu tư dự kiến 500 tỷ đồng, công suất 5.700-17.400 tấn/năm. Bên cạnh đó, một số cơ sở sản xuất giống trong tỉnh đang đề nghị, xin chủ trương cải tạo, nâng cấp nhằm nâng công suất sản xuất giống thủy sản như Công ty CP Thủy sản Tân An, Công ty CP Thủy sản Minh Hàn... Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ cũng đã đồng ý cho Tỉnh thực hiện cổ phần hóa Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Sản xuất giống thủy sản tỉnh Quảng Ninh để nâng cao chất lượng sản xuất, kinh doanh của đơn vị nhằm thể hiện rõ vai trò định hướng, bình ổn “*thị trường*” giống thủy sản của Tỉnh trong việc đáp ứng có hiệu quả nhu cầu của người nuôi trồng thủy sản trong tỉnh về con giống thủy sản an toàn.

2.2. Kết quả nuôi trồng thủy sản

Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2016 ước đạt 20.690 ha, bằng 100% KH và 100% CK, trong đó: diện tích nuôi nước ngọt đạt: 3.406 ha; diện tích nuôi mặn lợ đạt: 17.284 ha và 8.742 ô lồng bè. Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2016 ước đạt 50.200 tấn bằng 101% KH và bằng 108% CK. Trong đó: sản lượng nuôi ngọt ước đạt 10.300 tấn; sản lượng nuôi mặn lợ đạt 39.900 tấn.

Phương thức nuôi: Thâm canh, bán thâm canh, quảng canh cải tiến.

Hình thức nuôi: Ao đầm, đặng chắn, bãi triều, lồng, giàn bè trên biển...

Đối tượng nuôi: Mặn lợ (Tôm Sú, tôm Thẻ chân trắng, cá biển, nhuyễn thể...), nước ngọt (cá nước ngọt truyền thống, Rô phi), thủy đặc sản khác.

* **Nuôi tôm:** (i) Tổng diện tích nuôi tôm ước 9.692 ha (*Diện tích nuôi tôm Thẻ chân trắng là 3.277 ha, tôm Sú là 6.415 ha. Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng tăng 200 ha, diện tích nuôi tôm sú giảm 615 ha*); (ii) Sản lượng ước đạt 10.000 tấn bằng 104% CK và bằng 82% KH (*sản lượng tôm Thẻ chân trắng ước đạt 8.500 tấn, tôm Sú là 1.500 tấn*); (iii) Năng suất trung bình về nuôi tôm thẻ chân trắng đạt 2,6 tấn/ha, năng suất nuôi tôm sú đạt 0,23 tấn/ha⁵.

* **Nuôi nhuyễn thể:** Diện tích nuôi nhuyễn thể ước đạt 4.197 ha tăng 648 ha so với năm 2015. Sản lượng nhuyễn thể ước đạt trên 21.800 tấn và năng suất bình quân đạt 5,8 tấn/ha. Đối tượng nhuyễn thể nuôi chủ yếu là Nghêu Bến Tre, Ngao các loài, Sò huyết, Hàu, Tu Hải... Hình thức nuôi chủ yếu là giàn bè trên mặt biển, lồng treo trên giàn bè hoặc đặt lồng trên bãi triều, đáy biển.

* **Nuôi nước ngọt:** Diện tích nuôi thủy sản nước ngọt đạt 3.406 ha bằng 98% CK và 100% KH. Đối tượng nuôi cá nước ngọt của tỉnh chủ yếu là cá Rô phi và các loài cá truyền thống (Mè, Trắm, Trôi, Chép,...). Sản lượng nuôi ước đạt 10.300 tấn bằng 102% CK và 100% KH. Năng suất nuôi nước ngọt đạt 3 tấn/ha. Phương thức nuôi: Quảng canh cải tiến và bán thâm canh, nuôi thâm canh.

* **Nuôi cá biển:** Diện tích nuôi cá biển theo hình thức ao, đầm, đăng chắn vào khoảng 1.800 ha và 8.742 ô lồng sản lượng ước đạt 4.400 tấn. Đối tượng nuôi chủ yếu vẫn là những loài cá có giá trị kinh tế cao như cá Song, Giò, Vược, Hồng mỹ...

Do điều kiện thời tiết diễn biến bất thường, môi trường biến đổi, đã phát sinh bệnh trên thủy sản nuôi ở một số địa phương: thành phố Móng Cái, huyện Hải Hà, huyện Đầm Hà, thành phố Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí, thị xã Quảng Yên và huyện Tiên Yên. Tổng diện tích nuôi thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh là 480.44 ha chiếm 2,3% tổng diện tích nuôi toàn tỉnh: diện tích tôm bị bệnh là 115.62 nguyên nhân do dịch bệnh hoại tử gan tụy và bệnh vi bào tử trùng; diện tích thiệt hại nuôi cá nước ngọt 3,32 ha tại Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên với nguyên nhân do các vi khuẩn *Aeromonas*, *Pseudomonas*.

Theo số liệu thống kê lũy kế đến hết năm 2016, tỉnh Quảng Ninh đã có 04 cơ sở nuôi trồng thủy sản đạt chứng nhận VietGAP; 02 nuôi trồng thủy sản cơ sở đạt chứng nhận về đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Đạt được kết quả trên là do Sở đã làm tốt khâu hướng dẫn cơ cấu, mùa vụ sản xuất ngay từ đầu năm⁶; phối hợp với các đơn vị, địa phương cung cấp thông

⁵ Năng suất trung bình về nuôi tôm Thẻ chân trắng cao hơn so với năm 2015; nhiều vùng nuôi tôm Thẻ chân trắng đạt năng suất từ 10-15 tấn/ha, cá biệt tại thành phố Móng Cái có những cơ sở đạt trên 20 tấn/ha.

⁶ Trên cơ sở hướng dẫn của cơ quan chuyên môn về nuôi trồng thủy sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ cấu, mùa vụ nuôi trồng thủy sản kết hợp với điều kiện thực tế tự nhiên của Tỉnh đã ban hành văn bản định hướng cơ cấu, mùa vụ nuôi trồng thủy sản để các địa phương, người nuôi trồng thủy sản có căn cứ vận dụng, áp dụng theo đúng tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

tin, tuyên truyền, hướng dẫn chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển sản xuất, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản⁷...; triển khai có hiệu quả chương trình phòng chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản⁸; đã hình thành được một số vùng nuôi tập trung tạo lượng sản phẩm thủy sản nuôi trồng lớn phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu như: Nuôi thủy sản nước ngọt tại Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên; vùng nuôi tôm Móng Cái, Tiên Yên, Quảng Yên; vùng nuôi nhuyễn thể Hải Hà, Đầm Hà, Vân Đồn... Khoa học công nghệ nuôi trồng thủy sản đã được người nuôi chú trọng và áp dụng; phương thức nuôi đã dịch chuyển sang bán thâm canh và thâm canh. Nhiều mô hình nuôi mới, hiệu quả đã được đưa vào triển khai thí điểm và mang lại kết quả cao như mô hình nuôi thâm canh, bán thâm canh cá rô phi đơn tính tại các vùng chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản ở Đông Triều, Uông Bí, Quảng Yên, Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà, năng suất 6- 10 tấn/ha (cá biệt 15 tấn/ha/vụ), giá trị 280 - 300 triệu đồng/ha/vụ, lợi nhuận 30 - 40 % tổng mức đầu tư; mô hình nuôi thâm canh Tôm chân trắng tại Quảng Yên, Hoàn Bồ, Đầm Hà và Móng Cái năng suất bình quân từ 8 - 10 tấn/ha/vụ (nuôi thâm canh trong nhà kính cho năng suất trên 20 tấn/ha/vụ); mô hình nuôi cá lồng biển với một số loài cá có giá trị kinh tế như: cá song, cá vược, cá hồng mỹ, cá giò, năng suất 10 - 12 kg/m³, với mỗi bè 4 ô lồng, chỉ cần 01 lao động chính, mỗi vụ thu hoạch 1,0-1,5 tấn cá thương phẩm cho thu nhập 200 - 300 triệu đồng.

2.3. Kết quả thực hiện quan trắc môi trường trong NTTS

Sở đã chủ trì xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phòng chống bệnh dịch cho thủy sản nuôi⁹; đối với nội dung quan trắc môi trường được triển khai tại 18 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại 08 địa phương có nuôi trồng thủy sản trọng điểm của tỉnh cụ thể như sau:

- Tổng kinh phí: **2.320.940.000 đồng** Trong đó: (Năm 2015: 1.663.290.000 đồng; Năm 2016: 657.650.000 đồng)

- Điểm quan trắc: Tại các vùng nuôi thủy sản tập trung: Móng Cái, Hải Hà, Đầm Hà, Vân Đồn, Cẩm Phả, Quảng Yên, Uông Bí, Đông Triều, Tiên Yên.

- Nội dung quan trắc: (i) Đối tượng quan trắc: Hộ nuôi tôm, cá biển, nhuyễn thể và cá nước ngọt; (ii) Thông số quan trắc: Nhóm thông số quan trắc 1: Phục vụ cho nuôi tôm (COD, BOD, NH₃, NO², H₂S, Vibrio tổng số, Độ kiềm,

⁷ Trong năm, các đơn vị trong Ngành đã thực hiện được trên 20 lớp tập huấn cho 800 lượt người với nội dung liên quan đến nuôi trồng thủy sản an toàn trong vùng dịch, quản lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

⁸ Tình hình dịch bệnh trong năm 2016 vẫn có diễn biến phức tạp. Nhưng so với năm 2015 đã có chiều hướng giảm cả về diện tích và số lượng thủy sản chết do bệnh dịch (Giảm trên 50% - Năm 2015, diện tích khoảng 1.000 ha).

⁹ Thực hiện Kế hoạch số 7521/KH-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phòng chống dịch bệnh cho động vật thủy sản nuôi năm 2015; Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 08/3/2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc phê duyệt dự toán kinh phí để thực hiện Kế hoạch phòng chống dịch bệnh cho động vật thủy sản nuôi năm 2015; Căn cứ Quyết định số 7607/KH-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch phòng chống dịch bệnh cho động vật thủy sản nuôi năm 2016; Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh cho động vật thủy sản nuôi năm 2016

Độ mặn, pH, DO); Nhóm thông số quan trắc 2: Phục vụ cho nuôi nhuyễn thể, cá biển (Độ kiềm, Độ mặn, pH, DO, COD, BOD, NH₃, NO²⁻, H₂S, PO₄³⁻, Vibrio tổng số); Nhóm thông số quan trắc 3: Phục vụ cho nuôi cá nước ngọt (pH, DO, COD, BOD, NH₃, NO²⁻, H₂S, Aeromonas tổng số); (iii) Tần suất quan trắc: 2 lần/ tháng; (iv) Điểm quan trắc tại 05 điểm (Điểm cấp, thoát chung của vùng và 03 hộ nuôi đại diện).

- Số lượng mẫu quan trắc tổng số: **23.310 mẫu**, trong đó năm 2015: 3.760 mẫu; năm 2016: 19.550 mẫu.

- Sở đã ủy quyền cho Chi cục Thủy sản thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường tại một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung của tỉnh theo cơ chế đặt hàng dịch vụ công ích (2016) và triển khai thực hiện chỉ định thầu (2015).

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Sản xuất giống thủy sản tỉnh Quảng Ninh.

- Căn cứ kết quả quan trắc, đơn vị chuyên môn của Sở đã thông báo đến các địa phương có điểm được quan trắc qua hình thức công văn, email và được đăng tải trên Cổng thông tin <http://quangninh.gov.vn/vi-VN/so/sonongnghiepnt>. Ngoài ra, còn phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình Quảng Ninh thực hiện phát thanh 08 bản tin về kết quả quan trắc và các nội dung khuyến cáo trên Chương trình Radio Quảng Ninh giờ cao điểm, khung giờ từ 17h – 17h30'. Đối với kết quả quan trắc vượt ngưỡng so với tiêu chuẩn đều được thông báo trực tiếp đến người nuôi trồng thủy sản, hướng dẫn người dân các biện pháp khắc phục, xử lý kịp thời. Qua đó đã nâng cao hiệu quả chương trình quan trắc môi trường đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.

2.4. Kết quả quản lý vật tư thủy sản và ATTP trong NTTS

(Có phụ lục kèm theo)

II. Kế hoạch nuôi trồng thủy sản năm 2017

1. Dự báo tình hình

- Những năm tiếp theo là phát triển nuôi trồng thủy sản trở thành ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kinh tế thủy sản. Khai thác và tận dụng tốt lợi thế tiềm năng của khu vực, chú trọng xây dựng và phát triển vùng nuôi thâm canh thủy sản với quy mô lớn theo hình thức công nghiệp và bán công nghiệp, phù hợp với quy định về an toàn thực phẩm. Kết nối giữa sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản cùng với phát triển kinh tế biển, kết hợp hài hòa lợi ích giữa các ngành kinh tế, giữa các vùng, các địa phương. Cải thiện điều kiện sống, nâng cao thu nhập của cộng đồng ngư dân trên cơ sở tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế được tham gia vào quá trình tăng trưởng thủy sản. Phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ, môi trường nguồn lợi thủy sản và thích ứng với biến đổi khí hậu. Góp phần phát triển kinh tế thủy sản gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng và chủ quyền quốc gia trên biển, đảo.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017

Diện tích nuôi trồng thủy sản: 20.690 ha; Trong đó 17.300 ha nuôi mặn lợ và 3.390ha nuôi ngọt; Sản lượng NTTS đạt: 52.000 tấn; Trong đó 41.700 tấn thủy sản nuôi mặn lợ và 10.500 tấn thủy sản nuôi ngọt; Sản xuất giống: 1.200 triệu con giống; Trong đó: 1.095 triệu con giống nước mặn lợ, 105 triệu con giống nước ngọt. Đối tượng nuôi chính: Tôm thẻ chân trắng, tôm sú, nhuyễn thể, cá biển, cua biển, rô phi, cá truyen thống.

3. Nhiệm vụ, giải pháp cơ bản

Trên cơ sở phân tích khó khăn, tồn tại, đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp để phát huy tiềm năng, thế mạnh nuôi trồng thủy sản của Tỉnh, cụ thể như sau:

3.1. Quy hoạch

Thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản Quảng Ninh đến 2020, định hướng đến 2030 và chỉ đạo các địa phương xây dựng quy hoạch chi tiết trong đó ưu tiên các vùng đã định hướng nuôi trồng thủy sản tập trung và mặt biển nuôi trồng thủy sản.

Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu Thủy sản tỉnh Quảng Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định 1396/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh; hoàn thiện xây dựng các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung 06 đối tượng chính: (1) vùng nuôi tôm 3.463ha (Quảng Yên, Tiên Yên, Hải Hà, Đầm Hà, Móng Cái); (2) vùng nuôi nhuyễn thể 2.445ha (Vân Đồn, Đầm Hà, Hải Hà, Quảng Yên); (3) vùng nuôi cá Song 660ha (Vân Đồn, Cẩm Phả);(4) vùng nuôi ghe 36ha (Móng Cái); (5) vùng nuôi cua kết hợp cá tôm 1274ha (Quảng Yên, Cẩm Phả, Tiên Yên, Ba Chẽ); (6) vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt 2.355ha (Đông Triều, Quảng Yên, Uông Bí).

3.2. Đầu tư cơ sở hạ tầng

Nghị Quyết số 13-NQ/TU ngày 06/5/2014 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh ủy, tiếp tục đầu tư và nâng cấp các trại sản xuất giống. Chỉ đạo các đơn vị, các trại sản xuất giống cung ứng đảm bảo về số lượng, chất lượng, đúng mùa vụ nuôi, tránh để tình trạng thiếu giống xảy ra khi người nuôi xuống giống đại trà.

Tăng cường thu hút đầu tư, xây dựng mới các trại sản xuất giống với quy mô lớn. Việc bổ sung các trại sản xuất giống lớn tại khu vực phù hợp sẽ đáp ứng được nhu cầu nuôi thủy sản trong tỉnh và có khả năng xuất sang các tỉnh khác.

3.3. Công nghệ kỹ thuật

Chuyển giao công nghệ sản xuất giống đã nghiên cứu thành công trong nước như: kỹ thuật ương giống cá biển, sản xuất giống rô phi đơn tính đực, nhuyễn thể, giáp xác... để nhân rộng ra sản xuất. Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm để nhập công nghệ sản xuất giống, giống mới có giá trị kinh tế cao, nâng cao hiệu quả kinh tế và góp phần làm phong phú giống nuôi.

Nâng cao kỹ thuật sản xuất giống phục vụ nuôi mặn, lợ thông qua các chương trình tập huấn, chuyển giao công nghệ, tham quan học tập kinh nghiệm; Chỉ đạo và khuyến khích các trại sản xuất giống phát triển sản xuất các đối

tượng nuôi mới và có giá trị kinh tế cao như: cá biển, Cua biển, Ngao giá...

3.4. Chính sách

Rà soát, bổ sung chính sách hỗ trợ, đầu tư, phát triển nuôi trồng thủy sản. Thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển các cơ sở sản xuất mới. Vận dụng theo các quy định hiện hành; Nhà nước hỗ trợ quy hoạch, đầu tư các công trình hạ tầng dùng chung theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP, Nghị định 67/2014/NĐ-CP, Nghị quyết 11/2016/NQ-HĐND. Kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư các hạng mục còn lại. Tiếp tục hỗ trợ áp dụng các quy phạm thực hành sản xuất tốt VietGAP, quy định cơ sở sản xuất an toàn thực phẩm. Các chính sách cần tiếp cận cụ thể đến từng vùng nuôi trồng thủy sản, từng đối tượng nuôi chủ lực của tỉnh để tập trung nguồn lực, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

3.5. Nhân lực

Tiếp tục thực hiện Chương trình đào tạo nghề nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Nâng cao chất lượng nhân lực của ngành nuôi trồng thủy sản trình độ Thạc sĩ (*Trường Đại học Nha Trang liên kết với Trường Đại học Hạ Long*).

3.6. Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước

Tăng cường hợp tác nghề cá với các tỉnh trong nước có nghề cá phát triển như: Hải Phòng, Hà Nội, Khánh Hòa, Phú Yên. Hợp tác với các Viện nghiên cứu: Viện Nghiên cứu Hải Sản, Viện Tài nguyên Môi trường Biển, Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I,II,III, Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam; Trường Đại học Nha Trang, Đại học Nông nghiệp I để hỗ trợ nghiên cứu, chuyên gia các đối tượng nuôi và công nghệ nuôi phù hợp với tỉnh Quảng Ninh.

Khuyến khích các doanh nghiệp, các trường đại học, Trung tâm KHKT và sản xuất giống thủy sản Quảng Ninh liên kết với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học và nhà đầu tư nước ngoài để đầu tư phát triển thủy sản.

Tăng cường hợp tác với các thị trường truyền thống và phát triển thị trường tiềm năng để phát triển xuất khẩu thủy sản. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư về thủy sản, đặc biệt các sản phẩm chủ lực của tỉnh để phát triển thị trường xuất khẩu: Cá Rô Phi, Hàu Thái Bình Dương, Ngao, Cá Biển, Tôm

III. Đề xuất, kiến nghị

Để hoàn thành tốt kế hoạch đề ra trong năm 2017 và những năm sắp tới, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng cục Thủy sản:

(1) Tiếp tục mở các lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về chuyên môn nuôi trồng thủy sản;

(2) Quan tâm bố trí kinh phí kịp thời các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản tại Quảng Ninh: dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi biển tại Đầm Hà; Dự án hạ tầng vùng sản xuất giống nhuyễn thể tập trung tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;

(3) Phối hợp, đẩy nhanh tiến độ triển khai Chương trình công tác giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với tỉnh Quảng Ninh năm 2017 lĩnh vực thủy sản, đặc biệt là hỗ trợ nâng cao năng lực cán bộ ngành thủy sản tỉnh Quảng Ninh;

(5) Đề nghị Tổng cục Thủy sản quan tâm triển khai hỗ trợ các mô hình nuôi trồng thủy sản theo tiêu chí VietGAP tại tỉnh Quảng Ninh.

(6) Đẩy mạnh nghiên cứu, tìm nguyên nhân và cách chữa trị một số bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản hiện nay. *Vml*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Tỉnh (b/c);
- LĐ Sở: đ/c GD, PGD_{TS} (b/c);
- Chi cục Thủy sản;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Công



Phụ lục 1
SẢN XUẤT GIỐNG 2016, KẾ HOẠCH 2017

STT	Đối tượng	Số cơ sở sản xuất		Sản lượng (triệu con)		Kế hoạch 2017		Ghi chú
		Kết quả 2016	So sánh 2015 (%)	Kết quả 2016	So sánh 2015 (%)	Số CS Sản xuất	Sản lượng (Triệu con)	
	Tổng	18	100	1.120	113	18	1.513	
1	Nước mặn	15	100	1.020	114	15	1.413	
1.1	Tôm sú	2	100	200	100	2	200	
1.2	Tôm chân trắng	5	100	582	125	4	940	
1.3	Cua biển	1	100	5	105	1	10	
1.4	Cá biển	3	100	22	101	3	23	
1.5	Nhuuyễn thể	4	100	196	110	4	225	
1.6	Hải sản khác	-	-	15	100	-	15	
2	Nước ngọt	3	100	100	100	3	100	
2.1	Rô phi	2	100	60	100	2	60	
2.2	Cá truyền thống (mè, trôi, trắm chép)	1	100	40	100	1	40	


Phụ lục 2
KẾT QUẢ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN 2016
Đảng 2.1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2016, KẾ HOẠCH
NĂM 2017

STT	Danh mục	ĐVT	Kết quả 2016	So sánh với năm 2015 (%)	Kế hoạch 2017	Ghi chú
I	Diện tích	Ha	20.690	100	20.644	
1	Nước mặn - lợ	Ha	17.284	100	17.330	
1.1	Tôm sú	Ha	6.415	97	6.100	
	- QC/QCCT	Ha	6.415	97		
1.2	Tôm chân trắng	Ha	3.277	106	3.619	
1.3	Nhuuyễn thể	Ha	4.197	125	3.709	
	- Ngao/ngheêu	Ha	500	100	500	
	- Hàu	Ha	3.000	138	3.000	
	- Khác	Ha	697	100	209	
1.4	Cua/ghe	Ha	500	100	700	
1.5	Cá biển	Ha	1.800	94	1.562	
1.6	Rong biển	Ha	400	100	320	
1.7	Nuôi lồng	M3	236.000	104	240.000	
	Cá biển	M3	236.000	104	240.000	
1.8	Hải sản khác	Ha	695	74	1.320	
2	Nước ngọt	Ha	3.406	98	3.313	
	Cá rô phi	Ha	1.500	100	1500	
	Cá truyền thống	Ha	1.850	100	1.775	
	Các nước lạnh	Ha	3	100	6	
	Khác	Ha	53	100	35	
II	Tổng sản lượng	Tấn	50.200	108	52.000	
1	Nước mặn - lợ	Tấn	39.900	110	41.315	
1.1	Tôm sú	Tấn	1.500	100	1.300	
	- QC/QCCT	Tấn	1.500	100	1.300	
1.2	Tôm chân trắng	Tấn	8.500	122	11.580	
1.3	Nhuuyễn thể	Tấn	21.800	111	20.290	
	- Ngao/ngheêu	Tấn	5.000	100	5.000	
	- Hàu	Tấn	13.800	120	13.800	
	- Khác	Tấn	3.000	105	1.490	
1.4	Cua/ghe	Tấn	500	120	700	

1.5	Cá biển	Tấn	2.650	130	2.952	
1.6	Rong biển	Tấn	800	100	700	
1.7	Nuôi lồng	Tấn	1.750	105	1.800	
	Cá biển	Tấn	1.750	105	1.800	
1.8	Hải sản khác	Tấn	2.400	80	1.992	
2	Nước ngọt	Tấn	10.300	101	10.685	
	Cá rô phi	Tấn	7.200	100	7.565	
	Cá truyền thống	Tấn	3.000	100	3.000	
	Các nước lạnh	Tấn	30	100	60	
	Khác	Tấn	60	100	60	



Bảng 2.2

TỔNG HỢP THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH NĂM 2016
 (Kèm theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh ngày 15/12/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh)

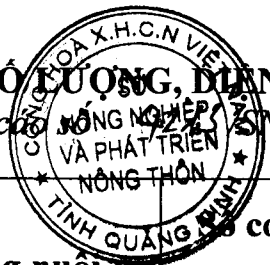
TT	NỘI DUNG	Năm 2016			So sánh với năm 2015 (%)			Ghi chú	
		TỔNG	Thiệt hại do thiên tai	Thiệt hại do dịch bệnh	Thiệt hại do môi trường	TỔNG	Thiệt hại do thiên tai		Thiệt hại do dịch bệnh
1	Diện tích thiệt hại (ha)								
	Cá truyền thống	240,55	232,1	8,45		88,28	37,98	50,30	
	Tôm sú quảng canh	47		47		14,58		14,58	
	Tôm sú thâm canh								
	Tôm thẻ chân trắng thâm canh	234	104	130		41,69	18,97	22,71	
	Ngao/ngheù	253,96		1,5	252,46				
	Cá tra								
	Lông bè (m3)	384			384	0	0		
	Cá								
	Tôm nước lợ								
	Các đối tượng khác	11,1	11,1						
2	Ước sản lượng thiệt hại (tấn)								
	Cá truyền thống	220	200	20		80	30	50	
	Tôm sú quảng canh	20		20		15		15	
	Tôm sú thâm canh								
	Tôm thẻ chân trắng thâm canh	445	85	360		41,83	18,97	22,86	
	Ngao/ngheù	4144,36		105	4039,36				
	cá tra								

	Lông bè				8				
	Giống (triệu con)								
	cá								
	Tôm nước lợ								
	Các đối tượng khác	50	50						
3	Ước giá trị thiệt hại (triệu đồng)								
	Cá truyền thông	6300	6000	300		80	30	50	
	Tôm sú quảng canh	2400		2400		15		15	
	Tôm sú thâm canh								
	Tôm thẻ chân trắng thâm canh	40900	8500	32400		41,83	18,97	22,86	
	Ngao/nghêu	49312,32		840	48472,32				
	cá tra								
	Lông bè	800			800				
	Giống (triệu con)								
	cá								
	Tôm nước lợ								
	Các đối tượng khác	2500	2500						

Bảng 2.3

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI ĐÃ VÀ ĐANG ÁP DỤNG VietGAP

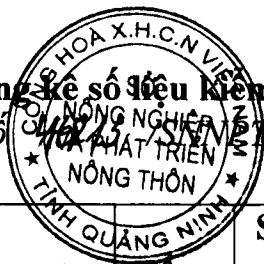
(Kèm theo báo cáo SNNPTNT-CCTS ngày 15/12/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh)



STT	Đối tượng nuôi	Số cơ sở nuôi được chứng nhận VietGAP	Diện tích đã được chứng nhận VietGAP (m ²)	Sản lượng đã được chứng nhận VietGAP
1	Tôm He chân trắng	3	98.000	
2	Cá Song	1	162	

Phụ lục 3
Phần 1

Thống kê số liệu kiểm tra và phân loại theo Thông tư 45/2014/TT-BNN&PTNT
(Kèm theo báo cáo số **16/2016** của UBND tỉnh Quảng Ninh về công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh nông nghiệp và PTNT-CCTS ngày **15/12/2016** của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ninh)



TT	Loại hình sản xuất kinh doanh	Tổng số cơ sở đã kiểm tra	Số cơ sở không đánh giá phân loại	Nội dung và hình thức kiểm tra trong tháng										
				Số lượt kiểm tra đánh giá phân loại				Số lượt kiểm tra định kỳ				Số lượt tái kiểm tra cơ sở loại C		
				Tổng	A	B	C	Tổng	A	B	C	Tổng	Lên A	Lên B
1	Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản	06	02					04	01	01	02			
2	Kinh doanh thức ăn, SP XLCTMT dùng trong nuôi trồng thủy sản	14	07					07	02	04	01			
4	Cơ sở nuôi trồng thủy sản	18	07					11	09	01	01			
Cộng		38	16					22	12	06	04			



Phần 2

Kết quả công tác quản lý chất lượng thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường và an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản năm 2016

1. Thông tin, truyền thông về quản lý chất lượng thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường và an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản

1.1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật

STT	Số hội thảo/ hội nghị/ tập huấn	Số người được tuyên truyền, phổ biến	Đối tượng
1	20	800	Cán bộ làm công tác quản lý chất lượng VTNN, ATTP thủy sản, chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN, ATTP thủy sản, các cơ sở NTTS...

1.2. Sản xuất và đăng tải sản phẩm truyền thông

TT	Sản phẩm truyền thông	Số lượng	Nội dung/ Thông điệp chính	Hình thức truyền tải
1	Băng rôn	25 cái	Vì sức khỏe người tiêu dùng và phát triển bền vững, hãy sản xuất ra những sản phẩm thủy sản an toàn	Treo tại trạm thủy sản Móng Cái, Quảng Yên; các vùng nuôi thủy sản tập trung, cảng cá.
2	Sổ tay	900 quyển	Hướng dẫn NTTS- ATTP và quy định về ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh	Phát đến người nuôi trồng thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh

Ngay từ đầu vụ sản xuất đã thực hiện tuyên truyền tới các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; thức ăn và chất bổ sung thức ăn; chất xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực này. Yêu cầu các cơ sở thực hiện nghiêm quy định của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; thức ăn và chất bổ sung thức ăn; chất xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh giống thủy sản năm 2016; định kỳ báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh giống thủy sản về Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Ninh.

Nhìn chung ý thức của người kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp đầu vào dùng trong nuôi trồng thủy sản đã có chuyển biến theo chiều hướng tốt. Tuy nhiên, do điều kiện là một tỉnh có đường biên giới giáp với Trung Quốc cho nên

vẫn phát sinh một bộ phận nhỏ người nuôi trồng thủy sản sử dụng lén lút các sản phẩm đầu vào như con giống, thức ăn hay chất xử lý môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản không qua các cơ quan chức năng để kiểm định chất lượng.

2. Xây dựng mô hình nuôi trồng thủy sản an toàn thực phẩm

Năm 2016 Sở đã chỉ đạo các đơn vị phối hợp với các địa phương, cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện xây dựng một số mô hình trình diễn, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân, doanh nghiệp về nuôi trồng thủy sản an toàn thực phẩm như: Mô hình ứng dụng chế phẩm EM nuôi tôm thẻ chân trắng tại phường Minh Thành với quy mô 8.000m²; mô hình liên kết nuôi cá rô phi theo VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm, quy mô 03 ha tại xã Hoàng Quế thị xã Đông Triều; mô hình nuôi cá rô phi đơn tính thương phẩm vụ thu đông theo hướng VietGAP, quy mô 1,1 ha, thực hiện tại xã Kim Sơn thị xã Đông Triều; mô hình nuôi cá lồng biển bằng vật liệu mới đảm bảo sóng gió thân thiện môi trường với quy mô 3.000 m³ lồng nuôi tại hai huyện Đầm Hà và Vân Đồn. Bước đầu các mô hình đã có kết quả khả quan, đáp ứng về hiệu quả kinh tế gắn với nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm.

3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

3.1. Thanh kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về chất lượng thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường

STT	Tổng số cơ sở được thanh kiểm tra	Số cơ sở không đạt yêu cầu	Lý do vi phạm	Biện pháp xử lý, cải tạo	Lý do kiểm tra
1	14	1	Ghi chép và lưu giữ hồ sơ, chứng từ chưa đầy đủ	Nhắc nhở	Theo kế hoạch

3.2. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản

STT	Loại mẫu	Chỉ tiêu	Số mẫu vi phạm/ tổng số mẫu	Chỉ tiêu vi phạm
1	Thủy sản	Chất cấm trong tôm và cá rô phi	0/120	Chloramphenicol
		Thức ăn, chế phẩm sinh học, chất xử lý cải tạo MT	0/20	Protein, Xơ thô, Lipit, Melamine, Ethoxyquin, Aflatoxin, Vi sinh vật

Thực hiện thông tin, tuyên truyền và yêu cầu các cơ sở nuôi trồng thủy sản chấp hành nghiêm túc hướng dẫn của cơ quan chuyên môn về nội dung đảm bảo an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản (*Có kết hợp với hoạt động kiểm tra, giám sát để tuyên truyền*). Chú trọng đến nội dung ký cam kết hay đề nghị kiểm tra, đánh giá phân loại quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ. Lưu ý người nuôi trồng thủy sản chỉ sử dụng thức ăn, chất xử lý môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản có danh mục được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành: (i) Chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành gồm một số nội dung cơ bản như sau: thanh tra, kiểm tra chuyên đề về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp dùng trong nuôi trồng thủy sản; kiểm tra, đánh giá phân loại các cơ sở nuôi trồng thủy sản; (ii) Chủ trì và phối hợp với Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh và các bộ phận chuyên môn của Chi cục thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, phân loại đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản trên địa bàn tỉnh. Qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phân loại cho thấy đại đa số các cơ sở đã có ý thức chấp hành các quy định của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống thủy sản. Tuy nhiên, một số cơ sở vẫn mắc lỗi như lưu giữ, ghi chép nhật ký sản xuất; lưu giữ chứng từ sản xuất chưa đầy đủ và không khoa học... Đối với các trường hợp phát hiện lỗi đã được nhắc nhở, hướng dẫn và yêu cầu khắc phục sai lỗi; (iii) Kiểm tra, đánh giá, phân loại theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT 22 cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất kinh doanh giống thủy sản và cơ sở kinh doanh thức ăn, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản. Căn cứ kết quả xếp loại, thông báo các sai lỗi, hành động khắc phục cho cơ sở và cơ quan chuyên môn địa phương biết, cùng phối hợp trong công tác giám sát, kiểm tra, tái kiểm tra theo quy định.

4. Giải quyết các sự cố gây mất an toàn thực phẩm trong nước

Năm 2016, chưa phát hiện sự cố gây mất an toàn thực phẩm liên quan đến lĩnh vực quản lý về ATTP.